

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khởi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lữ Văn Công
2. Ông Nguyễn Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vũ Tiên. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2022, về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX - ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị T, sinh năm: 1988 (Có mặt).

Trú tại: ấp Đ, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Lê Thành Đ, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Trú tại: ấp Đ, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/02/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2012, ngày 06/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Do sau thời gian chung sống cả hai bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, từ đó mâu thuẫn kéo dài. Trong quá trình sống chung bị đơn có tình cảm và sống

với người phụ nữ khác bên ngoài. Nguyên đơn có khuyên can nhưng bị đơn không thay đổi. Nay tình cảm giữa Nguyên đơn đối với bị đơn không còn nên nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Hải C, sinh ngày: 29/7/2005 và cháu Lê Thị Thảo M, sinh ngày: 24/12/2015 hiện đang sống chung với Nguyên đơn. Sau khi ly hôn Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và chưa yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Công việc của nguyên đơn hiện tại làm vườn, và làm lò than thuê tại ấp Đ, xã T nên nguyên đơn đủ có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thành Đ trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Sau thời gian chung sống do bị đơn thường xuyên đi làm vắng nhà và ít có khi ở nhà nên không có cãi nhau nhiều. Về tài chính: Khó khăn về kinh tế Nguyên đơn cho rằng anh làm ít tiền khó khăn về tiền bạc từ đó cãi nhau. Đối với việc bị đơn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài là không có đó là mối làm ăn và giới thiệu bị đơn làm công trình và Nguyên đơn ghen tuông, khi mâu thuẫn xảy ra cả 02 không giải quyết được nên anh và chị sống ly thân từ tháng 12/2021. Công việc hiện tại của bị đơn làm thợ hàn thu nhập mỗi tháng từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng tùy theo công trình. Nay bị đơn không đồng ý ly hôn do còn thương nguyên đơn, muốn hàn gắn cùng nhau chăm sóc con chung.

Về con chung: Có 02 con Lê Hải C, sinh ngày: 29/7/2005 và cháu Lê Thị Thảo M, sinh ngày: 24/12/2015 hiện đang sống chung gia đình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn Lê Thành Đ. Về con chung giao cho Nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Lê Thành Đ có đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1, Điều 39 và Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy. Trước khi xét xử bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và Tòa án hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012 và có đến cơ quan có thẩm quyền xin đăng ký kết hôn (tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012, ngày 06/02/2012) theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình sống chung do bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến với nhau, không hợp về tính cách, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không chia sẻ và không tự dàn xếp giải quyết được. Nên nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải động viên nguyên đơn và bị đơn xóa bỏ mâu thuẫn để đoàn tụ, hàn gắn vợ chồng lo chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nhưng nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Lê Thành Đ vẫn sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau tự ai nấy sống; nguyên đơn xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T xin ly hôn với bị đơn Lê Thành Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi cháu C và cháu M. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung vừa là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Khi cha, mẹ ly hôn các con đã mất điểm tựa quan trọng là mái ấm gia đình có cha lẫn mẹ nên việc giao con cho cha mẹ ly hôn phải căn nhắc đến quyền lợi về mọi mặt của con. Nguyên đơn và bị đơn đều có công việc và thu nhập ổn định như nhau. Tuy nhiên công việc của bị đơn làm công trình nay đây và mai đó chỗ ở không ổn định và cháu Lê Hải C, sinh ngày: 29/7/2005 và cháu Lê Thị Thảo M, sinh ngày: 24/12/2015 do Nguyên

đơn trực tiếp nuôi từ nhỏ và hiện tại sống chung với nguyên đơn và cháu C có nguyện vọng sống với nguyên đơn. Để ổn định môi trường sống và học tập của cháu C và cháu M căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và đình Hội đồng xét xử giao cháu C và cháu M cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

[6]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9]. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **- Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị T. Cho nguyên đơn Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn Lê Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hải C, giới tính: Nữ, sinh ngày: 29/7/2005 và cháu Lê Thị Thảo M, giới tính: Nữ, sinh ngày: 24/12/2015 cho nguyên đơn Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu C và cháu M đủ 18 (mười tám) tuổi. Bị đơn Lê Thành Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008633 ngày 01/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ủy ban nơi cư trú.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND phường Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Hồ Văn Khởi**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lữ Văn Công – Nguyễn Thị Kim Tước**

**Hồ Văn Khởi**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lữ Văn Công – Nguyễn Thị Kim Tước**

**Hồ Văn Khởi**